TÒA ÁN NHÂN DÂN **THNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/ DSST - HNGĐ
Ngày 31 - 7 - 2023
"V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình,"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nhung
2. Ông Đường N Đại

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tHnh phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Phúc Yên **tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tHnh phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1979 (có mặt)

Bị đơn: Anh Đặng Ngọc H, sinh năm 1978 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 2, phường T, tHnh phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 16 tháng 11 năm 2022, bản tự khai và quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Như Q trình bày:

Chị và anh Đặng Ngọc H đăng ký kết hôn với nhau từ ngày 27/02/2002 tại UBND thị trấn P cũ nay là phường T, tHnh phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi cưới, chị và anh H có tự do tìm hiểu. Cưới xong chị về làm dâu chung sống cùng gia đình anh H tại tổ 5 phường T sau đó vợ chồng ở riêng tại Tổ 2, phường T, thành phố Phúc Yên. Tình cảm vợ chồng đầm ấm hạnh phúc. Đến năm 2009

sau khi chị sinh cháu thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn, ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do anh H thường xuyên đi chơi qua đêm và có quan hệ lăng nhăng với nhiều người phụ nữ khác. Chị khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh H không thay đổi cách sống dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, cãi nhau. Đến tháng 11/2022 vợ chồng ngủ riêng mỗi người một phòng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể Hn gắn tình cảm vợ chồng được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Ngọc H.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Đặng Ngọc H1, sinh ngày 16/8/2003 đã thành niên lao động tự túc được nên không đề nghị giải quyết và cháu Đặng Kim N, sinh ngày 18/6/2009 hiện đang ở với anh chị. Ly hôn cháu N có nguyện vọng ở với chị. Anh H nhất trí để chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung, hiện chị làm công nhân thu nhập 9.000.000đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản: Chị Q không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Đặng Ngọc H trình bày:

Quá trình kết hôn chung sống vợ chồng như chị Q trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình gặp khó khăn, nên chị Q hay cằn nhằn nói anh, vợ chồng thường hay to tiếng cãi nhau. Mỗi khi anh đi giao lưu uống rượu về là vợ chồng lại cãi nhau. Tình trạng này diễn ra đến nay đã được 04 năm. Tháng 3 năm 2022 chị Q có làm đơn ly hôn gửi ra Tòa án, tòa án đã báo anh ra làm việc sau đó chị Q rút đơn ly hôn về vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên tình trạng vợ chồng vẫn thường hay cãi nhau không cải thiện. Nay chị Q lại làm đơn xin ly hôn anh. Quan điểm của anh là không muốn ly hôn chị Q vì con cái còn nhỏ, anh muốn con cái trưởng thành hơn nếu vợ chồng không chung sống được thì lúc đó mới ly hôn. Còn về tình cảm vợ chồng thì giữa anh và chị Q không còn tình cảm vợ chồng với nhau, có lối lại tình cảm vợ chồng cũng khó. Hiện nay anh chị vẫn sống chung nhà nhưng không ngủ cùng nhau, không quan tâm gì đến nhau, sống cùng với nhau là vì con cái, để cho con cái vui vẻ học hành, còn tình cảm vợ chồng anh chị không thể đoàn tụ hạnh phúc được như trước.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Đặng Ngọc H1, sinh ngày 16/8/2003 đã thành niên lao động tự túc được nên không đề nghị giải quyết và cháu Đặng Kim N, sinh ngày 18/6/2009 hiện đang ở cùng nhà với anh chị. Ly hôn anh xin được nuôi dưỡng cháu N, anh không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung, hiện anh là lao động tự do nhận thầu vệ sinh các công ty thu nhập khoảng 10.000.000đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, thư ký và các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Q được ly hôn anh H.

- Về con chung: Giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Đặng Kim N, sinh ngày 18/6/2009, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung

- Về án phí: Chị Q phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 16 tháng 11 năm 2022, chị Nguyễn Thị Như Q có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đặng Ngọc H, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Tổ 2, phường T, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Nên Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tống tụng dân sự;

[2]. Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

[3]. Về nội dung vụ án, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Như Q với anh Đặng Ngọc H. Hội đồng xét xử thấy: Chị Q và anh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 27/02/2002 tại UBND thị trấn Phúc Yên (nay là phường T), thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Nay chị Nguyễn Thị Như Q và anh Đặng Ngọc H đều xác định vợ chồng mâu thuẫn và hiện vợ chồng sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị Q trình bày là anh H thường xuyên đi chơi qua đêm và có quan hệ lăng nhăng với nhiều người phụ nữ khác. Chị khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh H không thay đổi cách sống dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, cãi nhau. Đến tháng 11/2022 vợ chồng ngủ riêng mỗi người một phòng không ai quan tâm đến ai. Còn anh H cho rằng Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế gia đình gặp khó khăn, nên chị Q hay cằn nhằn nói anh, vợ chồng thường hay to tiếng cãi nhau. Tình trạng này diễn ra đến nay đã được 04 năm. Tháng 3

năm 2022 chị Q có làm đơn ly hôn gửi ra Tòa án, sau đó chị Q rút đơn ly hôn về vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên tình trạng vợ chồng vẫn thường hay cãi nhau không cải thiện. Nay chị Q lại làm đơn xin ly hôn anh. Quan điểm của anh là không muốn ly hôn chị Q vì con cái còn nhỏ, anh muốn con cái trưởng thành hơn nếu vợ chồng không chung sống được thì lúc đó mới ly hôn. Còn về tình cảm vợ chồng thì giữa anh và chị Q không còn tình cảm vợ chồng với nhau, có lối lại tình cảm vợ chồng cũng khó.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh H, chị Q đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài anh H không muốn ly hôn chị Q không phải vì còn tình cảm vợ chồng, bản thân anh cũng xác định vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nên cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Như Q được ly hôn anh Đặng Ngọc H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Q, anh H xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Đặng Ngọc H1, sinh ngày 16/8/2003 đã tHnh niên lao động tự túc được nên không đề nghị giải quyết và cháu Đặng Kim N, sinh ngày 18/6/2009 hiện đang ở với anh H, chị Q nay anh H, chị Q cùng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy cháu N là con gái đang ở tuổi trưởng thành nên cần có mẹ chăm sóc giáo dục tâm sinh lý cho cháu, bản thân cháu N có nguyện vọng ở với chị Q. Nên cần giao cháu N cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Chị Q không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q nên không xem xét giải quyết. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản: Các đương sự không đề nghị, nên giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Như Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử

1. Cho chị Nguyễn Thị Như Q được ly hôn anh Đặng Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Kim N, sinh ngày 18/6/2009 (hiện ở với chị Q) cho cho chị Nguyễn Thị Như Q trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Đặng Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q; anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Như Q phải nộp 300.000đồng tiền án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0007000 ngày 02 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi Hnh án dân sự thành phố Phúc Yên; chị Q đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát tHnh phố Phúc Yên;
- Thi Hnh án tHnh phố Phúc Yên;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, VP;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phiên - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Bích